

Sáng ngày 30/8/2017 : Học từ slide 01- đến slide 25- (Trang 5)
 Chiều ngày 30/8/2017 : Học các slide còn lại.

CHUYÊN ĐỀ 2

MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG VÀ PHÁT TRIỂN
CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC KINH TẾ

I. MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1 Tăng trưởng kinh tế & các yếu tố tăng trưởng kinh tế

1.2 Mô hình tăng trưởng kinh tế & các mô hình tăng trưởng kinh tế

II. ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

2.1 Tình cấp thiết phải chuyển đổi mô hình tăng trưởng

2.2 Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn từ 2011-2020

III. PHÁT TRIỂN CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC Ở VIỆT NAM

3.1 Mối quan hệ giữa các ngành, lĩnh vực kinh tế với tăng trưởng, phát triển kinh tế

3.2 Tình hình và giải pháp phát triển các ngành, lĩnh vực kinh tế

I. MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ

1.1 Tăng trưởng kinh tế & các yếu tố tăng trưởng kinh tế

1.2 Mô hình tăng trưởng kinh tế & các mô hình tăng trưởng kinh tế

1.1.1 Khái niệm tăng trưởng, phát triển kinh tế & phát triển bền vững

* Tăng trưởng kinh tế là sự gia tăng thu nhập của nền kinh tế trong một thời gian nhất định (thường là một năm).

> Các chỉ tiêu phản ánh tăng trưởng: GDP, GNI dưới các chiều cạnh: quy mô và tốc độ tăng trưởng. (GDP: Gross Domestic Products- tổng sản phẩm quốc nội; GNI: Gross National Income- tổng thu nhập quốc dân)

> Bản chất của tăng trưởng kinh tế là phản ánh sự thay đổi về lượng của nền kinh tế.

Định tính TTKT

* TTKT là sự tăng thêm về quy mô sản lượng hàng hóa và dịch vụ trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm)

* TTKT là sự biến đổi về lượng kết quả hoạt động của nền kinh tế

* Tổng sản phẩm trong nước hay tổng sản phẩm quốc nội (GDP: Gross Domestic Product)

GDP là tổng giá trị của toàn bộ sản phẩm hàng hóa và dịch vụ được tạo ra trong một thời kỳ nhất định (thông lệ 1 năm) trên phạm vi lãnh thổ của một quốc gia, không phân biệt nguồn vốn và chủ sở hữu ở trong hay ngoài nước.

GDP thường được tính theo 3 phương pháp:

Sản xuất,

Chi tiêu,

Thu nhập

* Tổng sản phẩm quốc dân (GNP: Gross National Product hay GNI: Gross National Income)

GNP hay GNI là tổng giá trị của toàn bộ sản phẩm hàng hoá và dịch vụ do các công dân của một nước tạo ra trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm) không phân biệt các hàng hoá và dịch vụ đó được tạo ra ở trong hay ngoài nước. (Nghĩa là chỉ xem xét về mặt quốc tịch chứ không xem xét về mặt lãnh thổ).

→ $GNP = GDP + \text{Thu nhập từ nước ngoài} - \text{Chi trả ra nước ngoài}$.

Một số điểm cần lưu ý về GDP và GNP

Định lượng TTKT

* Phản ánh qua quy mô (GDP, GNP) & tốc độ tăng trưởng

* Tốc độ tăng GDP (g) = $\Delta GDP / GDP_{\text{năm gốc}}$

Trong đó: $GDP = GT \text{ tổng SL} - \text{Chi phí trung gian}$
 $\Delta GDP = GDP_{\text{năm NC}} - GDP_{\text{năm gốc}}$

* Phát triển kinh tế

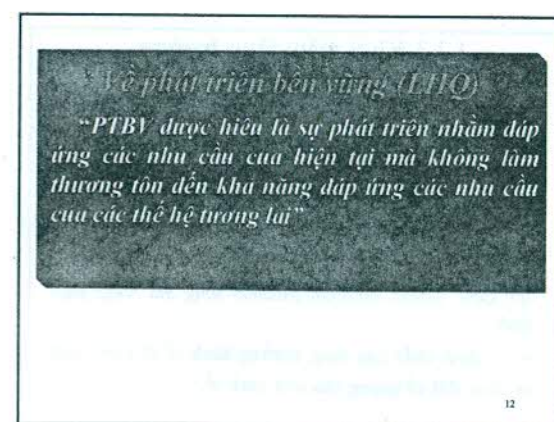
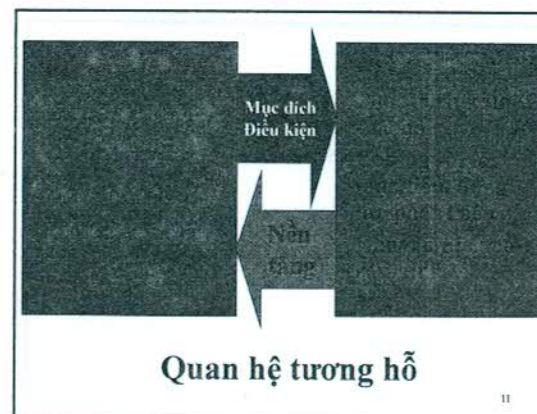
- Phát triển kinh tế là quá trình lớn lên, tăng tiến mọi mặt của nền kinh tế.

- Các tiêu chí đánh giá:

- (1) Sự tăng trưởng ổn định
- (2) Sự thay đổi cơ cấu về hình thức trong hình thái SX
- (3) Sự tiến bộ về công nghệ
- (4) Sự hiện đại hóa về XH, CT và thể chế.
- (5) Sự cải thiện sâu rộng về khía cạnh con người

- Dưới góc độ kinh tế phát triển:

- PTKT là TTKT gắn liền với sự CD, CCKT, XH theo hướng tiến bộ và nâng cao chất lượng cuộc sống người dân của một quốc gia trong một thời kỳ nhất định (thường là một năm)

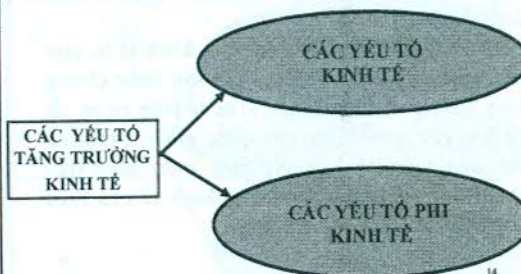


Chương trình Nghị sự 21 của Việt Nam

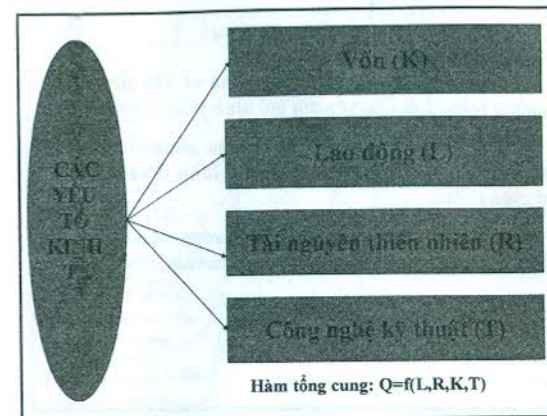
1. Con người là trung tâm của sự phát triển bền vững
2. PTKT là nhiệm vụ trung tâm, thực hiện: "KT, XH, và MT có lợi"
3. PTKT gắn với bảo vệ môi trường, nguyên tắc "người gây thiệt hại đối với TN, MT thì phải bồi hoàn"
4. PT phải đảm bảo "công bằng" cho hiện tại và cả tương lai
5. KH-CN là nền tảng phát triển nhanh và bền vững
6. PTBV là sự nghiệp toàn dân
7. Nền kinh tế độc lập tự chủ và hội nhập kinh tế
8. Kết hợp chặt PTKT, PTXH, BVMT với bảo đảm AN-QP, an toàn, trật tự xã hội.

13

1.1.2 Các yếu tố tăng trưởng kinh tế



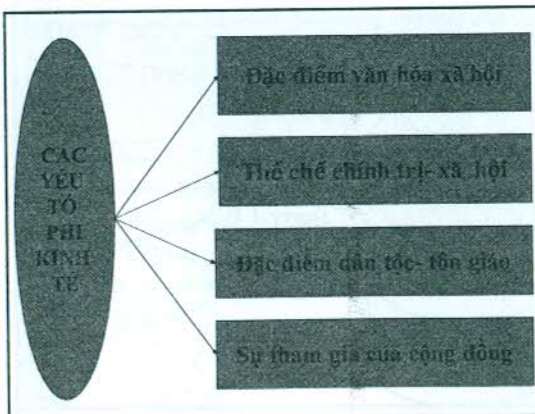
14



Các nhân tố kinh tế ảnh hưởng tới tăng trưởng

* Vốn, con người, KT-CN, cơ cấu kinh tế, thể chính trị và QLNN

$$\text{Hệ số ICOR} = \frac{\text{Đầu tư}}{\text{Tăng trưởng}} \cdot 100\%$$



1.2 Mô hình tăng trưởng và các mô hình tăng trưởng kinh tế

1.2.1 Mô hình tăng trưởng

1.2.2 Các mô hình tăng trưởng kinh tế

Mô hình tăng trưởng

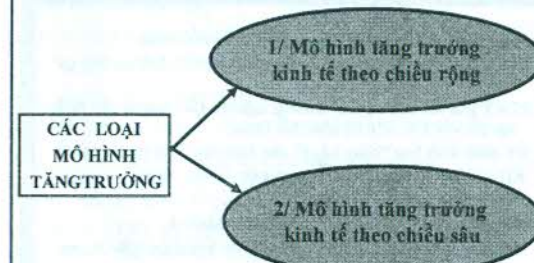
- Có nhiều góc độ tiếp cận khác nhau về Mô hình tăng trưởng kinh tế & Chuyển đổi mô hình tăng trưởng:
- Là cách diễn đạt quan điểm cơ bản nhất về sự tăng trưởng kinh tế thông qua các biến số kinh tế và mối liên hệ giữa chúng
- Mô hình tăng trưởng kinh tế là phương tiện hay cách thức để đạt được các mục tiêu tăng trưởng.

19

- Thuật ngữ Chuyển đổi, hay Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế theo nghĩa phổ biến là việc thay đổi cách thức vận hành nền kinh tế theo chiều hướng tiến bộ.
- Đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế là việc xác lập khung khổ chung, hay mô thức chung định hướng vận hành nền kinh tế trên cơ sở tối ưu hóa các nguồn lực của quốc gia với một cơ cấu nền kinh tế hợp lý, hiệu quả, hiện đại, nhằm đạt tốc độ tăng trưởng kinh tế cao theo hướng phát triển bền vững.

20

1.2.2 Các loại mô hình tăng trưởng kinh tế



21

*Đặc trưng của các mô hình kinh tế.

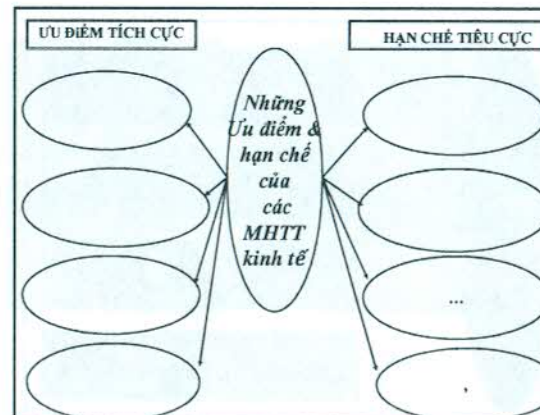
TTKT theo chiều rộng

- GDP tăng nhờ huy động ngày càng nhiều các yếu tố sản xuất K, R, L;
- KT-CN, nguồn lực sản xuất ít thay đổi;
- NSLĐ không tăng, hoặc tăng không đáng kể;
- Tăng trưởng theo chiều rộng bị giới hạn bởi quy mô các nguồn lực đầu vào (thâm dụng, cạn kiệt tài nguyên, ô nhiễm MT)
- Tiềm ẩn nhiều nguy cơ, bất ổn

TTKT theo chiều sâu

- GDP tăng dựa vào NSLĐ cao và *lực có hình số chuyên môn.*
- *TX xuyên, liên tục ứng dụng tiến bộ KH, CN h. đổi mới.*
- *Vai trò nhân tố TFP của tất cả các yếu tố đầu vào có ý nghĩa to lớn.*
- *(TFP là nhân tố tổng hợp)*

↑
xem thêm báo Tuổi.



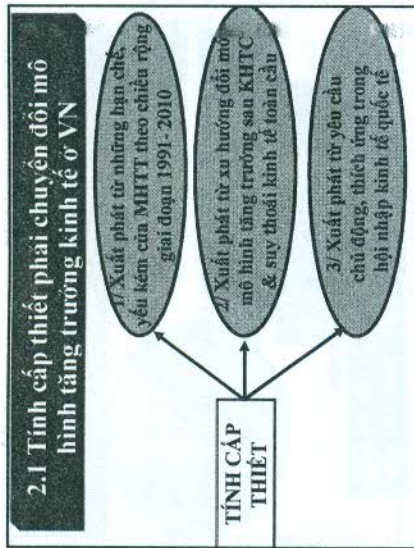
Bên dưới là hạn chế tiêu cực, thấy dễ tưởng và dễ nghĩ xem gần gũi để diễn ra.

II. ĐỔI MỚI MÔ HÌNH TĂNG TRƯỞNG KINH TẾ Ở VIỆT NAM

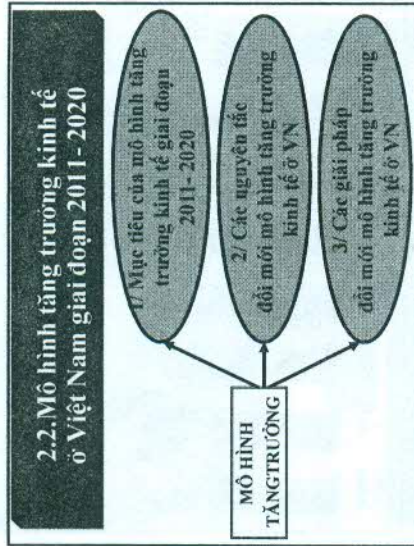
2.1 Tính cấp thiết phải đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam

2.2 Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn từ 2011- 2020

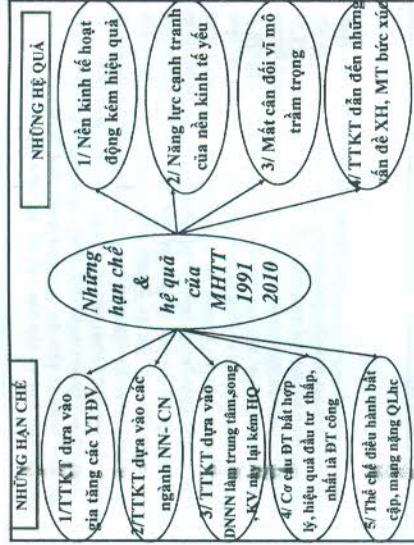
24



25



26



27

So với các quốc gia khác trong khu vực, năng suất lao động của Việt Nam cũng thấp hơn nhiều. Cụ thể, phải 3 lao động Việt mới làm ra giá trị bằng một người Thái Lan, và 6 lao động mới bằng một người Malaysia. Thậm chí so với Philippines, Indonesia, năng suất lao động của Việt Nam cũng chỉ bằng một nửa.

Khoảng cách về năng suất lao động của Việt Nam với các quốc gia khác trong khu vực ngày một xa. Năm 2013, theo Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), 15 người Việt Nam có năng suất lao động bằng một người Singapore. Năm 2014, tương quan này là gần 16. Năm 2015, là 23.

Nếu giữ tốc độ này, phải mất hơn 60 năm, Việt Nam mới đuổi kịp được Singapore.

30/06/2017

28

3. Hiệu quả hoạt động của các chủ thể kinh tế, các loại hình DN trong nền kinh tế còn nhiều hạn chế: Công nghệ lạc hậu, NSLĐ thấp

- Lạc hậu từ 2-3 thế hệ so các nước phát triển
- Theo WEF: Trình độ công nghệ VN xếp 92/117
- Trình độ công nghệ của doanh nghiệp VN:
 - 10% hiện đại
 - 38% trung bình
 - 52% lạc hậu

Đóng góp của các yếu tố vào tăng trưởng GDP
Nguồn: Viện Chiến lược Phát triển- Bộ KHĐT

	1993-1997	1998-2002	2003-2008	2009-2010	2011-2014
Vốn	69,3	67,6	52,7	79,67	63,62
Lao động	16,9	20	19,1	26,06	20,66
TFP	14,8	22,5	28,2	-6,73	26,82

30

Trong 30 năm đổi mới, đã ba lần sửa đổi và ban hành Hiến pháp, sửa đổi và ban hành trên 150 bộ luật và luật, trên 70 pháp lệnh. Gần đây nhất, Quốc hội đã thông qua Hiến pháp 2013 và hàng loạt bộ luật để thể chế hóa Hiến pháp 2013 cơ bản đã tạo cơ sở pháp lý hình thành và thúc đẩy việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Đó là khẳng định nguyên tắc nền kinh tế có chế độ đa sở hữu, đa thành phần, nhiều hình thức phân phối; khẳng định nguyên tắc phát triển đồng bộ các yếu tố thị trường và vận hành thông suốt các loại thị trường; khẳng định nguyên tắc Nhà nước quản lý nền kinh tế theo các nguyên tắc của cơ chế thị trường; khẳng định nguyên tắc đảm bảo thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội trong từng bước, từng chính sách phát triển kinh tế - xã hội và bảo vệ môi trường; khẳng định nguyên tắc mở cửa, hội nhập với kinh tế khu vực và thế giới

31



Những biểu hiện hạn chế, bất cập

- Tốc độ tăng năng suất lao động còn chậm;
- Năng lực cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu còn yếu;
- Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh, song chất lượng tăng trưởng chậm cải thiện;
- Mức độ ô nhiễm môi trường gia tăng cùng tốc độ tăng trưởng kinh tế
- Hiệu quả đầu tư thấp;
- Hạ tầng kỹ thuật, chất lượng lao động không đáp ứng kịp nhu cầu và yêu cầu phát triển;
- Hệ thống pháp luật và hành chính còn bất cập;
- Mô hình tăng trưởng vẫn chủ yếu dựa vào:
 - + Khai thác nguồn lực hữu hình;
 - + Các ngành công nghiệp có giá trị tăng thêm thấp;
 - + Xuất khẩu tài nguyên và hàng thô, hàng sơ chế.

Chuyển biến trong mô hình tăng trưởng và cơ cấu kinh tế còn chậm

- Tăng trưởng theo chiều rộng;
- Tốc độ tăng tích lũy tài sản đã phục hồi trở lại;
- Nhà nước tham gia quá trực tiếp và quá chi phối hoạt động đầu tư, kinh doanh;
- Lạm phát cao;
- Chi ngân sách cho đầu tư phát triển cao;
- Hiệu quả đầu tư còn ở mức thấp, nợ công tăng;
- Điều hành vĩ mô còn nhiều bất cập;

Tỷ lệ tiết kiệm, đầu tư và cán cân thương mại so với GDP của Việt nam từ năm 2012 - 2015
(Nguồn: worldbank.org, [3], [4])

	2012	2013	2014	2015
Tiết kiệm (%GDP)	30,7	28,8	31,1	24,6
Đầu tư (%GDP)	27,2	26,7	26,8	27,1
Cán cân thương mại(%GDP)	3,5	2,1	3,3	-1,65

35

Diễn đàn hợp tác Đông Á & Mỹ Latinh nhận định:

“Các nước Đông Á và Mỹ Latinh đã từng chịu tác động của các cuộc khủng hoảng kinh tế tài chính trong các giai đoạn trước đây và hiện đang duy trì tốc độ tăng trưởng tương đối cao sau khủng hoảng. Tuy nhiên, một số nước đang phải đối mặt với những thách thức cả trong ngắn hạn như lạm phát, nợ xấu... và dài hạn đó là bẫy thu nhập trung bình. Do đó, nhu cầu tái cấu trúc kinh tế, đổi mới mô hình tăng trưởng nhằm hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong dài hạn là hết sức cấp bách”

36

2.2. Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2011- 2020

1/ Mục tiêu của mô hình tăng trưởng kinh tế VN giai đoạn 2011- 2020

Khắc phục khuyết tật mô hình tăng trưởng cũ

Tránh rơi vào bẫy thu nhập trung bình

Tham gia hiệu quả vào chuỗi giá trị toàn cầu

Gia tăng vai trò KH, CN, đưa sự đóng góp TFP vào TTKT 35% năm 2020

37

2.2. Mô hình tăng trưởng kinh tế ở Việt Nam giai đoạn 2011- 2020

2/ Các nguyên tắc đổi mới mô hình tăng trưởng kinh tế ở VN

1/ Chuyển dần từ TTKT theo chiều rộng sang theo chiều sâu

2/ Coi trọng HDH, lấy HDH làm nền tảng để TT cao, ổn định

3/ Đảm bảo sự bình đẳng giữa các TP/KT, PT vùng KT

4/ Phái hài hòa vai trò giữa NN- TT trong việc phân bổ các nguồn lực

5/ Phái gắn kết giữa TTKT, tiến bộ & CBNH, bảo vệ môi trường

6/ Đổi mới mô hình một cách toàn diện, đồng bộ, có hệ thống.

41

Văn kiện ĐH XII:

Nền kinh tế vẫn chủ yếu phát triển theo chiều rộng, tăng trưởng kinh tế còn phụ thuộc nhiều vào các yếu tố về vốn, tài nguyên, lao động trình độ thấp, chưa dựa nhiều vào tri thức, khoa học và công nghệ, lao động có kỹ năng. Năng suất lao động chậm được cải thiện, thấp hơn nhiều so với một số nước trong khu vực. Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế còn thấp. Chưa phát huy được lợi thế so sánh và tận dụng các cam kết hội nhập quốc tế để nâng cao chất lượng tăng trưởng, phát triển bền vững.

Nợ xấu đang giảm dần nhưng còn ở mức cao, nợ công tăng nhanh. Tình trạng đầu tư công dàn trải, thất thoát, lãng phí chậm được khắc phục. Việc xây dựng và thực hiện đề án cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế thiếu đồng bộ, chưa thật sự gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, kết quả còn hạn chế. tr 84-85

39

ĐH XII: Mô hình tăng trưởng trong thời gian tới kết hợp có hiệu quả phát triển chiều rộng với chiều sâu, chú trọng phát triển chiều sâu, nâng cao chất lượng tăng trưởng và sức cạnh tranh trên cơ sở nâng cao năng suất lao động, ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát huy lợi thế so sánh và chủ động hội nhập quốc tế, phát triển nhanh và bền vững (hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững đến năm 2030 của Liên hợp quốc); giải quyết hài hòa giữa mục tiêu trước mắt và lâu dài, giữa phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh, giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân.

Đổi mới mô hình tăng trưởng chuyển mạnh từ chủ yếu dựa vào xuất khẩu và vốn đầu tư sang phát triển đồng thời dựa cả vào vốn đầu tư, xuất khẩu và thị trường trong nước. Tr. 87

40

Đại hội đại biểu Đảng bộ thành phố Hồ Chí Minh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020 đã diễn ra từ ngày 13 tháng 10 năm 2015 đến ngày 17 tháng 10 năm 2015. Văn kiện Đại hội chỉ rõ:

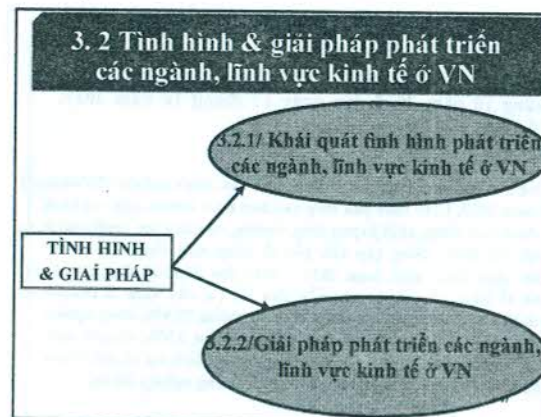
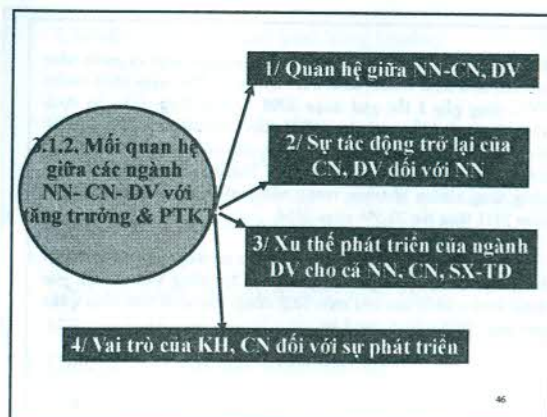
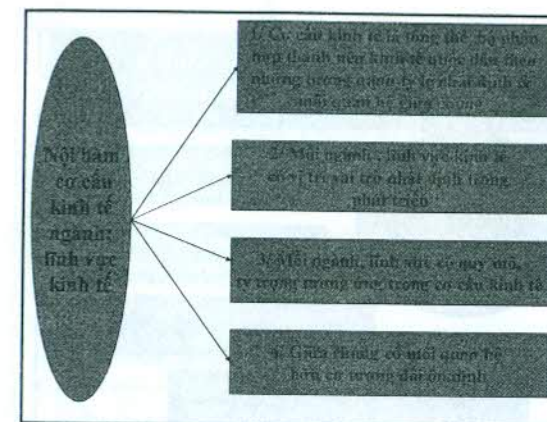
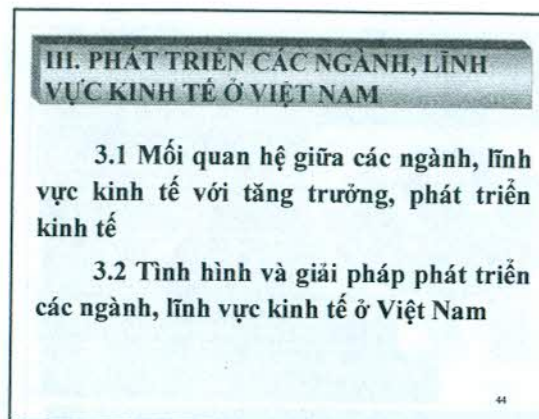
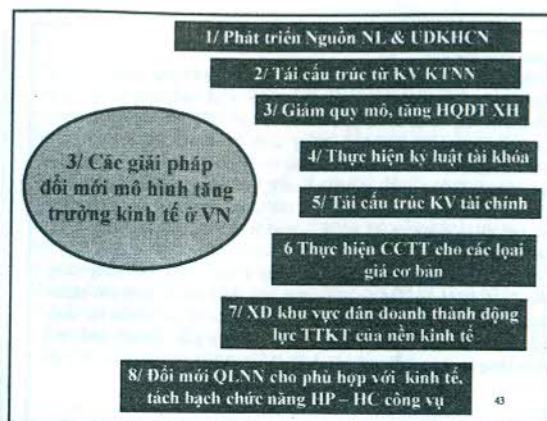
Tổng sản phẩm nội địa (GDP) tăng khá cao, bình quân 9,6%/năm, từ năm 2013, GDP năm sau tăng cao hơn năm trước; quy mô kinh tế được mở rộng, chất lượng tăng trưởng và năng lực cạnh tranh được cải thiện, đóng góp của yếu tố năng suất tổng hợp (TFP) ngày càng tăng, giai đoạn 2011 - 2015 đạt 33,1%; tăng trưởng kinh tế giảm phụ thuộc vào vốn đầu tư. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch tích cực, đúng định hướng, dịch vụ chiếm 59,9%, công nghiệp - xây dựng chiếm 39,2% và nông nghiệp chiếm 0,9%; chuyển dịch cơ cấu nội ngành rõ rệt, tăng dần các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao, 4 ngành công nghiệp trọng yếu, nông nghiệp đô thị.

41

Đóng góp ngân sách của Thành phố vào ngân sách cả nước năm sau cao hơn năm trước, năm 2011 chiếm 27,7%, năm 2014 chiếm 30%, tăng gấp 2 lần giai đoạn 2006 - 2010. Góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm an sinh xã hội. GDP bình quân đầu người tăng 12%/năm, đến cuối năm 2015 ước đạt 5.538 USD/người. Vai trò, vị trí của Thành phố về kinh tế ngày càng tăng, chiếm tỷ trọng trong nền kinh tế đất nước từ 18,3% năm 2011 tăng lên 21,5% năm 2014.

Tổng vốn đầu tư xã hội và hiệu quả đầu tư tăng; giai đoạn 2006 - 2010 một đồng vốn ngân sách thu hút 8,5 đồng vốn xã hội, giai đoạn 2011 - 2015 thu hút trên 12,5 đồng; chỉ số ICOR bình quân giai đoạn 2011 - 2015 đạt 3,56.

42



12 đại dự án thua lỗ: Vay nợ hơn 55.000 tỷ đồng, lỗ vượt 16.000 tỷ đồng

Tại Hội nghị Trung ương 5 vào ngày 5/5, Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng nêu: “Không ít doanh nghiệp nhà nước (DNNN) làm ăn thua lỗ, thất thoát, tham nhũng, lãng phí, tiêu cực với những dự án đầu tư hàng ngàn tỉ đồng “đắp chiếu”, làm trầm trọng thêm nợ xấu ngân hàng và nợ công quốc gia, gây bức xúc trong nhân dân...”.

Báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương cho biết, trong 5 năm (2010-2015), các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng trong Khối Doanh nghiệp Trung ương đạt tổng doanh thu hơn 6,4 triệu tỷ đồng, tổng lợi nhuận trước thuế 608.476 tỷ đồng, nộp ngân sách nhà nước hơn một triệu tỷ đồng. So với năm đầu nhiệm kỳ 2010, đến năm 2015, vốn chủ sở hữu của các tập đoàn, tổng công ty, ngân hàng trong khối tăng trên 74,3%, đạt gần 1,2 triệu tỷ đồng. Tổng tài sản tăng trên 66,4%, đạt 5,7 triệu tỷ đồng.

NQTW 3:

- Tái cấu trúc đầu tư với trọng tâm là đầu tư công;

- Cơ cấu lại thị trường tài chính với trọng tâm là tái cấu trúc hệ thống ngân hàng thương mại và các tổ chức tài chính;

- Tái cấu trúc doanh nghiệp nhà nước mà trọng tâm là các tập đoàn kinh tế và tổng công ty nhà nước.

Các giải pháp chủ đạo đối với mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2011-2020

1. Hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô; huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực
2. Phát triển mạnh công nghiệp và xây dựng theo hướng hiện đại, nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh
3. Phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng hiện đại, hiệu quả, bền vững
4. Phát triển mạnh các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ có giá trị cao, tiềm năng lớn và có sức cạnh tranh
5. Phát triển nhanh kết cấu hạ tầng, nhất là hạ tầng giao thông
6. Phát triển hai hòa, bền vững các vùng, xây dựng đô thị và nông thôn mới
7. Phát triển toàn diện các lĩnh vực văn hóa, xã hội hai hòa với phát triển kinh tế
8. Phát triển mạnh sự nghiệp y tế, nâng cao chất lượng công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân
9. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đổi mới toàn diện và phát triển nhanh giáo dục và đào tạo
10. Phát triển khoa học và công nghệ thực sự là động lực then chốt của quá trình phát triển nhanh và bền vững
11. Bảo vệ và cải thiện chất lượng môi trường, chủ động ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, phòng, chống thiên tai
12. Giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội; mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế